

MÔN : SINH HỌC 8

TUẦN 1:Tiết 1+2

Bài 1 : MỞ ĐẦU

I. Vị trí của con người trong tự nhiên

- Loài người thuộc lớp thú.
- Con người có tiếng nói, chữ viết, tư duy trừu tượng-> hình thành ý thức.
- Biết chế tạo và sử dụng công cụ lao động vào mục đích nhất định-> làm chủ tự nhiên.
- Biết dùng lửa để nấu chín thức ăn.
- Não phát triển, sọ lớn hơn

II. Nhiệm vụ của môn cơ thể người và vệ sinh

- Cung cấp những kiến thức về cấu tạo và chức năng của các cơ quan trong cơ thể
- Mối quan hệ giữa cơ thể với môi trường để đề ra biện pháp bảo vệ cơ thể.
- Thấy rõ mối liên quan giữa môn học với các môn khoa học khác như: y học, TĐTT, điều dưỡng, hội họa

III. Phương pháp học tập môn học.

Kết hợp quan sát , thí nghiệm và vận dụng vào thực tế cuộc sống.

: Luyện tập

Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

Hãy cho biết những lợi ích của việc học tập môn học “cơ thể người và vệ sinh”?

- Có những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường, những hiểu biết về phòng chống bệnh tật và rèn luyện thân thể, tránh được mê tín dị đoan, có những kiến thức cơ bản tạo điều kiện học lên các lớp sau, đi sâu vào các ngành nghề: y, TĐTT, tâm lí giáo dục, võ thuật, thời trang, hội họa...

Vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình
- **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.
- Khi bị bệnh ta có nên tin tưởng vào sự cúng vái hoặc chữa ở thầy lang để khỏi bệnh không? Tại sao?
- Không nên, vì chỉ có thầy thuốc thật sự mới có đầy đủ những kiến thức về đặc điểm cấu tạo và chức năng sinh lí của cơ thể người trong mối quan hệ với môi trường từ đó có được chuẩn đoán đúng và điều trị bệnh hiệu quả.

Tìm tòi, mở rộng

- **Mục tiêu:** Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

GV giao bài tập về nhà cho HS: Em hãy tìm hiểu xem kiến thức về cơ thể người giúp gì cho y học, hội họa, giáo dục, thể thao...

.Dẫn dò

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Kẻ bảng 2 trang 9 SGK vào vở học bài .

Ôn tập lại hệ cơ quan ở động vật thuộc lớp thú .

* Rút kinh nghiệm bài học:

CHƯƠNG I: KHÁI QUÁT VỀ CƠ THỂ NGƯỜI
BÀI 2: CẤU TẠO CƠ THỂ NGƯỜI

I. Cấu tạo

1. Các phần cơ thể

- Cơ thể gồm 3 phần: đầu, thân, tay chân.

+ Đầu gồm bộ não và các giác quan (tai, mắt, mũi, lưỡi), miệng.

+ **Khoang ngực:** Tim, phổi, khí quản, phế quản

+ **Khoang bụng** chứa dạ dày, ruột non, ruột già, hậu môn, gan, tụy, thận, bóng đái.

- **Cơ hoành** ngăn cách khoang ngực và khoang bụng.

+ **Tay, Chân**

2. Các hệ cơ quan

Hệ cơ quan	Các cơ quan trong từng hệ cơ quan	Chức năng của hệ cơ quan
Hệ vận động	Cơ và xương	Nâng đỡ và vận động cơ thể
Hệ tiêu hóa	Miệng, ống tiêu hóa và các tuyến tiêu hóa	Tiếp nhận và biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng cung cấp cho cơ thể
Hệ tuần hoàn	Tim và hệ mạch	v/c chất dinh dưỡng, O ₂ tới các tế bào và v/c chất thải, CO ₂ từ tế bào tới cơ quan bài tiết
Hệ hô hấp	Mũi, khí quản, phế quản và 2 lá phổi	Thực hiện trao đổi khí O₂, CO₂ giữa cơ thể và môi trường.
Hệ bài tiết	Thận, ống dẫn nước tiểu và bóng đái	Bài tiết nước tiểu
Hệ thần kinh và hệ nội tiết	Não, tủy sống, dây thần kinh và hạch thần kinh	Tiếp nhận và trả lời kích thích của môi trường, điều hòa hoạt động các cơ quan. Làm cho cơ thể là một khối thống nhất. Giúp cơ thể thích nghi với môi trường.

<p>B1: GV yêu cầu ca nhân hs suy nghĩ trả lời. + Ngoài các cơ quan trên, trong cơ thể còn có hệ cơ quan nào ? + Học về các hệ cơ quan trong cơ thể người em còn biết thêm hệ cơ quan nào? - Hệ sinh dục. Hệ nội tiết.</p> <p>B2: GV gọi 1 vài HS xác định các cơ quan của từng hệ trên mô hình cơ thể người. Hệ nội tiết. - HS xác định vị trí các cơ quan của mỗi hệ trên mô hình</p>	
--	--

: Luyện tập

- **Mục tiêu:** Giúp HS hoàn thiện KT vừa lĩnh hội được.

(1) Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) Cho ví dụ và phân tích vai trò của hệ thần kinh trong sự điều hòa hoạt động của các hệ cơ quan trong cơ thể.

- Khi bị tổn thương hệ thần kinh trung ương, tùy theo tổn thương ở phần nào mà bệnh nhân có thể bị ngưng tim (hệ tuần hoàn), ngưng thở (hệ hô hấp), liệt chi (hệ vận động) hoặc tiểu tiện, đại tiện không tự chủ (hệ bài tiết, hệ tiêu hóa)-> chứng tỏ hệ thần kinh điều hòa hoạt động các hệ cơ quan trong cơ thể.

Vận dụng

- **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

- Tại sao khi chỉ bị đau một bộ phận nào đó trong cơ thể nhưng ta vẫn thấy toàn cơ thể bị ảnh hưởng?

- Do cơ thể là một khối thống nhất của sự phối hợp hoạt động các cơ quan , các hệ cơ quan dưới sự điều hòa của hệ thần kinh và hệ nội tiết.

: Tìm tòi, mở rộng

- **Mục tiêu:** Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

GV giao bài tập về nhà cho hs làm bài tập: Nêu sự tiến hóa của các hệ cơ quan và chức năng của cơ thể người so với động vật thuộc lớp thú(thỏ).

.Dặn dò

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Ôn tập lại cấu tạo tế bào thực vật.

* Rút kinh nghiệm bài học

TUẦN 2: Tiết 3+4

BÀI 3: TẾ BÀO

I. Cấu tạo tế bào:

Tế bào gồm 3 phần:

- + Màng sinh chất
- + Tế bào chất: gồm các bào quan.
- + Nhân: nhiễm sắc thể, nhân con.

II. Chức năng của các bộ phận trong tế bào.

Là đơn vị thực hiện sự trao đổi chất và năng lượng giữa cơ thể với môi trường.

Giúp cơ thể lớn lên và sinh sản.

- Giúp cơ thể phản ứng với kích thích của môi trường.

III. Thành phần hóa học của tế bào :

- Chất hữu cơ : Prôtêin, Gluxit, Lipit, Axit nuclêic.
- Chất vô cơ: Muối khoáng (Ca; K; Na; Fe; Cu...)

IV. Hoạt động sống của tế bào.

- Gồm trao đổi chất, lớn lên, phân chia và cảm ứng.
- Tế bào thực hiện sự trao đổi chất và năng lượng, cung cấp cho mọi hoạt động sống của cơ thể, giúp cơ thể lớn lên và sinh sản. ⇨ Mọi hoạt động sống của cơ thể đều liên quan đến hoạt động sống của tế bào.

Luyện tập

(1) HS đọc kết luận chung ở cuối bài.

(2) Hãy giải thích mối quan hệ thống nhất về chức năng giữa màng sinh chất, chất tế bào và nhân tế bào? (dựa vào bảng “ chức năng các bộ phận của tế bào”)

- Màng thực hiện trao đổi chất để tổng hợp nên những thành phần chất riêng của tế bào.
- Sự phân giải vật chất để tạo năng lượng cần cho mọi hoạt động sống của tế bào được thực hiện nhờ ti thể.
- Chất nhiễm sắc trong nhân quy định đặc điểm cấu trúc protein được tổng hợp ở riboxom.
- Vậy, các bào quan trong tế bào có sự phối hợp hoạt động để thực hiện chức năng sống.
- + Sự tương đồng về các nguyên tố hóa học có trong tự nhiên và trong tế bào gợi cho ta suy nghĩ về sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường.
- + Qua sơ đồ trên, em biết được tế bào là đơn vị cấu tạo và đơn vị chức năng của cơ thể.(tb->mô->cơ quan->hệ cơ quan-> cơ thể. Tb lớn lên, sinh sản, trao đổi chất, trả lời kích thích).
- + Tế bào động vật và thực vật có điểm giống nhau là: Có màng sinh chất, tế bào chất chứa các bào quan và nhân tế bào chứa chất nhiễm sắc và nhân con.

(3) So sánh Tb người, động vật, thực vật.

- Giống nhau: Đều có cấu tạo cơ bản giống nhau, gồm màng sinh chất, tế bào chất chứa các bào quan và nhân tế bào.

Tb người	Tb động vật	Tb thực vật
-Không có vách xenlulo -Không có lục lạp, có trung thể. - Có nhiều hình dạng khác nhau.	-Không có vách xenlulo -Không có lục lạp, có trung thể. - Có nhiều hình dạng khác nhau.	-Có vách xenlulo -Đa số có lục lạp, không có trung thể. - Có ít hình dạng hơn.

Vận dụng, mở rộng

Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

-Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

-Em hãy sờ bàn tay của mình vào da thịt của cơ thể em rồi sờ vào thân cây phượng vĩ (me, bàng...) ở sân trường. Hãy cho biết có gì khác nhau về mức độ cứng, mềm của 2 cơ thể trên. Hãy giải thích sự khác nhau đó?

- Tuy 2 cơ thể trên đều có cấu tạo từ tế bào, nhưng màng sinh chất của tế bào thực vật có thêm vách xenlulo(chất xơ) nên cứng hơn.

Dẫn dò

Học bài, trả lời câu hỏi 2 SGK.- Đọc mục “em có biết

BÀI 4: MÔ

I. Khái niệm mô.

- Mô là tập hợp các tế bào chuyên hóa có cấu tạo giống nhau, đảm nhiệm chức năng nhất định.

- Mô gồm tế bào và phi bào.

II. Các loại mô.

	Mô biểu bì	Mô liên kết	Mô cơ	Mô thần kinh
Đặc điểm cấu tạo	- Các tế bào xếp sát nhau thành lớp dày phủ mặt ngoài	-Các tế bào liên kết nằm rải rác trong chất nền	Gồm các tế bào hình thoi dài xếp thành lớp, thành bó. Trong	- Gồm các tế bào thần kinh (nơron) và tế bào thần kinh đệm

	cơ thể, lót trong các cơ quan rộng như: Ruột, bóng đái, mạch máu, các ống dẫn - Ví dụ: Tập hợp tế bào để tạo nên bề mặt da	- Có ở hầu hết các cơ quan: Dưới lớp da, gân, dây chằng, sụn, xương. Ví dụ: Máu	tế bào có nhiều tơ cơ VD: Tập hợp tế bào tạo nên thành tim	- Nơron có thân nối với sợi trục và các sợi nhánh
Chức năng	Bảo vệ, hấp thụ và tiết (mô sinh sản làm nhiệm vụ sinh sản)	Nâng đỡ, liên kết các cơ quan, đệm (máu vận chuyển các chất)	Co, dẫn tạo nên sự vận động của các cơ quan và cơ thể.	- Tiếp nhận kích thích. - Dẫn truyền xung thần kinh. - Xử lí thông tin. - Điều hoà hoạt động các cơ quan.

Luyện tập

(1) Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) Trả lời câu hỏi SGK.

	Cơ vân	Cơ trơn	Cơ tim
Đặc điểm cấu tạo	Tb dài, có nhiều nhân, có vân ngang	Tb hình thoi đầu nhọn, chỉ có 1 nhân	Tb dài, phân nhánh, có nhiều nhân
Sự phân bố trong cơ thể	Gắn với xương	Phủ ngoài da, lót trong các cơ quan rộng, thực quản, khí quản, khoang miệng	Tạo thành tim
Khả năng co giãn	Co giãn nhiều	Co giãn ít hơn cơ vân và cơ tim	Co giãn kém cơ vân

Trên chiếc chân giò lợn các loại mô: Mô biểu bì, mô cơ, mô liên kết.

(4) Bài tập: Đánh dấu vào câu trả lời đúng nhất

1. Chức năng của mô biểu bì là :

Bảo vệ và nâng đỡ cơ thể.

Bảo vệ, che chở và tiết các chất

Co giãn và che chở cho cơ thể

2. Mô liên kết có cấu tạo :

Chủ yếu là tế bào có hình dạng khác nhau

Các tế bào dài, tập trung thành bó

Gồm tế bào và phi bào

3. Mô thần kinh có chức năng :

Liên kết các cơ quan trong cơ thể với nhau.

Điều hòa hoạt động các cơ quan .

Giúp các cơ quan hoạt động dễ dàng.

Vận dụng, mở rộng

Giúp HS vận dụng được các KT-KN trong cuộc sống, tương tự tình huống/vấn đề đã học.

-Giúp HS tìm tòi, mở rộng thêm những gì đã được học, dần hình thành nhu cầu học tập suốt đời.

Ta có thể chủ động làm cho bắp cơ ở cánh tay ta rút ngắn, phình to hoặc duỗi ra. Nhưng tại sao khi cơ ở ruột co thắt nhiều gây đau bụng ta không thể tự điều khiển cho cơ này giảm co thắt để khỏi đau bụng?

- Cơ ở cánh tay là cơ vân, gắn với xương, cơ này hoạt động theo ý muốn.

- Cơ ở thành ruột là cơ trơn hoạt động không theo ý muốn.

Dẫn dò

Học bài, trả lời câu hỏi 1, 2, 4 SGK.

Đọc trước bài

TUẦN 3- tiết 5 +6

BÀI 6: PHẢN XẠ

I/ Cấu tạo và chức năng của nơ ron:

a. *Cấu tạo nơron:* Nơron gồm :

- Thân: chứa nhân, xung quanh là tua ngắn (sợi nhánh)

- Tua dài (sợi trục) có bao miêlin, tận cùng là cúc xináp

b. *Chức năng nơron:*

Cảm ứng

Dẫn truyền xung thần kinh

II. Cung phản xạ:

a Cấu tạo

Là phản ứng của cơ thể trả lời kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh .

b. Cung phản xạ :

- Cung PX là con đường dẫn truyền xung thần kinh từ cơ quan thụ cảm (da, ...) qua TU TK tới cơ quan phản ứng (cơ, tuyến, ...)

Gồm 5 khâu :

Cơ quan thụ cảm.

Nơron hướng tâm (cảm giác).

Trung ương thần kinh (nơron trung gian).

Nơron li tâm (vận động).

Cơ quan phản ứng

c. Vòng phản xạ:

- Vòng phản xạ bao gồm cung phản xạ và đường liên hệ ngược

(1) Gọi HS đọc phần ghi nhớ SGK

(2) GV dùng tranh câm về 1 cung phản xạ để cho HS chú thích các khâu

(3) Phân tích ví dụ: + Khi nghe gọi tên mình ở phía sau->ta quay đầu lại

Âm thanh gọi tên ta kích thích vào cơ quan thụ cảm thính giác làm phát sinh luồng thần kinh, theo dây hướng tâm của nơron hướng tâm về trung ương thần kinh, từ trung ương thần kinh phát đi luồng theo dây li tâm của nơron li tâm tới cơ quan phản ứng làm ta quay đầu lại phía có tiếng gọi ta.

(4) + Trời lạnh-> nổi da gà: Nhiệt độ lạnh của môi trường kích thích cơ quan thụ cảm ở da làm phát sinh xung thần kinh, xung này theo dây hướng tâm của nơron hướng tâm về trung ương thần kinh. Từ trung ương thần kinh phát xung thần kinh theo dây li tâm của nơron li tâm tới cơ quan phản ứng làm cho cơ này co giúp da săn lại

Vận dụng, mở rộng

: Hãy cho 3 ví dụ về phản xạ và phân tích 1 ví dụ đã nêu.

Ngửi mùi thức ăn mà ta ưa thích, ta chảy nước bọt.

Mùi thức ăn kích thích vào cơ quan thụ cảm khứu giác ở mũi làm phát sinh xung thần kinh theo dây thần kinh hướng tâm của nơron hướng tâm về trung ương thần kinh. Từ đó phát sinh xung thần kinh theo dây li tâm của nơron li tâm đến tuyến nước bọt gây tiết nước bọt.

2. Học thuộc bài

3. Chạy xe đạp

.Dẫn dò

Học bài , trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Chuẩn bị cho bài thực hành: Mỗi tổ: 1 con ếch, 1 mẫu xương ống có đầu sụn và xương xốp, thịt nạc còn tươi .

+BÀI 5: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

1. Làm tiêu bản và quan sát tế bào mô cơ vân:

a. Cách làm tiêu bản mô cơ vân:

- Rạch da đùi ếch lấy 1 bắp cơ.
- Dùng kim nhọn rạch dọc bắp cơ .
- Dùng ngón trỏ và ngón cái ấn 2 bên mép rạch.
- Lấy kim mũi mác gạt nhẹ và tách 1 sợi mảnh.
- Đặt sợi mảnh mới tách lên lam kính, nhỏ dung dịch sinh lý 0,65% NaCl.
- Đậy la men, nhỏ axit axêtic.

b. Quan sát tế bào:

- Thấy được các phần chính: màng, tế bào chất, nhân, vân ngang

2. Quan sát tiêu bản các loại mô khác

- Nhóm thảo luận để thống nhất câu trả lời.
- Mô biểu bì: Tế bào xếp xít nhau
- Mô sụn: Chỉ có 2-3 tế bào tạo thành nhóm.
- Mô xương: Tế bào nhiều
- Mô cơ: Tế bào nhiều, dài.

: L* GV nhận xét giờ học:

Khen các nhóm làm việc nghiêm túc có kết quả tốt .

Phê bình nhóm chưa chăm chỉ và kết quả chưa cao để rút kinh nghiệm .

* Đánh giá:

Trong khi làm tiêu bản mô cơ vân các em gặp khó khăn gì ?

Nhóm có kết quả tốt cho biết nguyên nhân thành công ?

Lý do nào làm cho mẫu của một số nhóm chưa đạt yêu cầu ?

* Yêu cầu các nhóm:

Làm vệ sinh dọn sạch lớp .

Thu dụng cụ đầy đủ, rửa sạch lau khô tiêu bản mẫu xếp vào hộp

: Vận dụng, mở rộng

- + Tại sao không làm tiêu bản ở các mô khác?
- + Tại sao tế bào mô cơ vân lại tách dễ còn tế bào các mô khác thì sao?
- + Ốc lợn rất mềm, làm thế nào để lấy được tế bào?

.Dặn dò (1 phút)

Về nhà mỗi HS viết 1 bản thu hoạch theo mẫu SGK trang 19.

Ôn lại kiến thức về bộ xương của thỏ (SH7)

TUẦN 4 :TIẾT 7+8

CHƯƠNG II: VẬN ĐỘNG

BÀI 7: BỘ XƯƠNG

Kiểm tra 15 phút:

Chọn câu trả lời đúng nhất:

1.Cơ quan sau đây có trong khoang ngực là:

a. Tim b. Dạ dày c. Gan d. Cả a, b,c đúng

2. Cơ quan sau đây có trong khoang bụng là:

a. Khí quản b. Ruột c. Thực quản d. Phổi

3. Loại tế bào thần kinh chủ yếu trong cấu tạo của vỏ não là:

a. Tế bào hình tháp b. Tế bào hình nón
c. Tế bào hình que d. Tế bào hình nón và hình que

4. Đơn vị chức năng của cơ thể là:

a. Hệ cơ quan b. Cơ quan c. Mô d. Tế bào

5. Bộ phận có vai trò giúp tế bào thực hiện trao đổi chất với môi trường là:

a. Chất tế bào b. Màng sinh chất, nhân
c. Màng sinh chất d. Màng sinh chất, chất tế bào, nhân

6. Nơi xảy ra quá trình tổng hợp protein của tế bào là:

a. Trung thể b. Riboxom c. Nhân con d. Lưới nội chất

7. Cấu trúc dưới đây không có trong tế bào chất là:

a. Ti thể b. Bộ máy Gôngi c. Nhiễm sắc thể d. Trung thể

8. Ti thể có chức năng:

a. Tham gia hoạt động bài tiết của tế bào
b. Tham gia quá trình phân chia tế bào
c. Tham gia hô hấp giải phóng năng lượng
d. Giúp trao đổi chất cho tế bào với môi trường.

9. Mô được cấu tạo từ các tế bào thần kinh là:

a. Mô biểu bì b. Mô liên kết c. Mô cơ và mô liên kết d. Cả a,b,c đều sai

10. Loại mô che phủ của bề mặt ngoài da là:

a. Mô cơ và mô biểu bì b. Mô biểu bì và mô thần kinh
c. Mô liên kết d. Mô biểu bì

11. Mô sau đây thuộc loại mô liên kết là:

a. Mô sụn và mô sợi b. Mô xương và mô mỡ
c. Cả a, b đều đúng d. Cả a,b đều sai

12. Máu thuộc loại mô:

a. Mô liên kết b. Mô biểu bì c. Mô thần kinh d. Cả a,b,c đều đúng

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

- Mục tiêu: **Trang bị cho HS những KT mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập nêu ra ở HĐ Khởi động.**

Trong quá trình tiến hóa sự vận động của cơ thể có được là nhờ sự phối hợp hoạt động của hệ cơ và bộ xương. Ở con người, đặc điểm của cơ và xương phù hợp với tư thế đứng thẳng và lao động. Giữa bộ xương người và bộ xương thú có những phần tương đồng.

. Các phần chính của bộ xương.

a. Vai trò:

- Tạo khung giúp cơ thể có hình dạng nhất định
- Chỗ bám cho các cơ giúp cơ thể vận động .
- Bảo vệ các nội quan.

b. Thành phần:

Bộ xương gồm:

- Xương đầu: xương sọ và xương mặt.
- Xương thân:
 - + Cột sống: nhiều đốt khớp lại, có 4 chỗ cong.
 - + Xương lồng ngực: gồm xương sườn và xương ức.
- Xương chi: gồm
 - + xương tay: x. đai vai, x. cánh tay, x. cẳng tay, x. bàn tay hông, x. đùi, x. cẳng chân, x. bàn chân.

II. Các khớp xương

- Khớp xương: là nơi tiếp giáp giữa các đầu xương.

Có 3 loại : Có 3 loại :

- Khớp động: là khớp cử động dễ dàng nhờ 2 đầu xương có sụn, đầu khớp nằm trong một bao chứa dịch khớp (hoạt dịch).

Ví dụ: ở cổ tay

- Khớp bán động: giữa 2 đầu xương là đĩa sụn, hạn chế cử động.

Ví dụ: ở cột sống

- Khớp bất động: các xương gắn chặt bằng khớp răng cưa nên không cử động được.

Ví dụ: ở hộp sọ

Luyện tập

GV gọi 1 vài HS lên xác định các xương ở mỗi phần của bộ xương trên mô hình

GV cho điểm HS có câu trả lời đúng

Vấn dụng, mở rộng

(1)Ta thường có thói quen thuận bên phải nên khi vác , xách vật nặng ta cũng thường dùng vai phải, tay phải nhiều hơn. Điều này có nên không? Tại sao?

-Không nên, vì ở lứa tuổi học sinh, bộ xương đang phát triển, khi vác, xách vật nặng, ta phải phân phối đều cho 2 bên để bộ xương phát triển cân đối, tránh bị lệch xương, ảnh hưởng tới sức khỏe.

(2)Khi bị sai khớp xương hay gãy xương thì phải cấp cứu như thế nào để không gây nguy hiểm thêm cho người bị nạn?

-Dùng nẹp cứng dài hơn phần xương bị gãy để băng cố định chỗ bị thương (có lót vật mềm: Bông, vải sạch bên trong) dùng băng hoặc dây mềm quấn chặt lại,phần bị thương có cặp nẹp rời chuyển nạn nhân đến thầy thuốc.

(3) Tắm nắng ban mai có lợi ích gì cho xương? hóa tiền vitamin D thành vitamin D, nhờ loại vitamin này cơ thể mới chuyển

Dẫn dò

Học bài, trả lời câu hỏi SGK .

Đọc mục “Em có biết”

Mỗi nhóm chuẩn bị 1 mẫu xương đùi ếch hay xương sườn của gà, diêm

BÀI 8: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

I. Cấu tạo của xương.

1. Cấu tạo và chức năng của xương dài

- Bảng 8.1 SGK T29

+ Gồm màng xương, mô

xương cứng, mô xương xốp, sụn đầu xương, sụn tăng trưởng.

+ Trong khoang xương có tủy

+ Xương dài có cấu tạo hình ống, mô xương xốp ở 2 đầu xương, trong xương chứa tủy đỏ là nơi sản sinh hồng cầu (trẻ em tủy đỏ, người lớn tủy vàng)

2. Cấu tạo xương ngắn và xương dẹt

* Cấu tạo:

- Ngoài là mô xương cứng

- Trong là mô xương xốp với nhiều nan xương.

II. Sự to ra và dài ra của xương

- Xương dài ra: Do sự phân chia các tế bào ở lớp sụn tăng trưởng.

- Xương to thêm về bề ngang nhờ sự phân chia của các tế bào màng xương.

III. Thành phần hóa học và tính chất của xương

1. Thành phần hóa học. gồm :

- Chất vô cơ: Muối canxi.

- Chất hữu cơ: Cốt giao.

- Tỷ lệ chất hữu cơ và vô cơ trong xương thay đổi theo tuổi .

2. Tính chất :

Bền chắc và mềm dẻo

: Luyện tập (GV cho HS làm bài tập 1 trang 31 .

GV chữa bằng cách : + Cho HS đổi bài cho nhau . GV thông báo đáp án đúng .

Vận dụng, mở rộng

(1) Giải thích vì sao xương động vật được hầm (đun sôi lâu thì bở)?

- Vì dưới tác dụng của nhiệt độ làm chất vô cơ không liên kết được với chất cốt giao.

(2) Ta có nên tự luyện tập những môn thể thao nặng trong thời gian dài (tập tạ...)

Mà không cần thầy hướng dẫn không tại sao?

- Không nên. Vì khi tập những môn thể thao nặng kéo dài sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển của bộ xương, các động tác cần phải chính xác, phù hợp với lứa tuổi, tránh ảnh hưởng xấu tới sự phát triển cơ xương (bị lùn..)

Dặn dò

Học bài , trả lời câu hỏi 2, 3 SGK.

Đọc mục “em có biết”

Đọc trước bài 9